

Số: 40 /QĐ- TTKHCN

Hung Yên, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025
CỦA TRUNG TÂM THÔNG TIN, THỐNG KÊ, ỨNG DỤNG KH&CN

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN THỐNG KÊ, ỨNG DỤNG KH&CN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ; Số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-SKHHCN ngày 25/12/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ phận Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ:

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Văn phòng, Kế toán, các cá nhân và Bộ phận chuyên môn có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (Đề báo cáo);
- Lãnh đạo TrT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Nhân

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ

Mã số ĐVSDNS: 1131297

Mã KBNN nơi giao dịch: 0411

(Kèm theo Quyết định số 40 /QĐ-TTKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	C
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.396
1	Chi quản lý nhà nước	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	4.705
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Loại 100, khoản 103, nguồn 13)	2.258
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Loại 100, khoản 103, nguồn 12)	2.447
(1)	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	190
(2)	Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh khu nhà nuôi cấy mô, nhà làm việc	150
(3)	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho nhân dân về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu	300
(4)	Duy trì, chăm sóc, cải tạo, nâng cao chất lượng vườn bảo tồn nguồn gen nhãn lồng	300
(5)	Hỗ trợ duy trì và phát triển phòng nuôi cấy mô và nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm khoa học và công nghệ	50

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	C
(6)	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, kỹ thuật viên; tham gia các chương trình hội thảo của Bộ, ngành	50
(7)	Hỗ trợ quản lý, phát triển các nhãn hiệu đã được công nhận (khảo sát, thẩm định cấp và thu hồi giấy chứng nhận, in ấn hỗ trợ bao bì; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu chứng nhận)	150
(8)	Xuất bản bản tin khoa học và công nghệ	324
(9)	Biên tập, xuất bản, phổ biến quy trình kỹ thuật của các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh được nghiệm thu	210
(10)	Duy trì, quản lý và phát triển Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ; sàn giao dịch thiết bị và công nghệ; trạm IPPlatform	90
(11)	Sửa chữa, bảo dưỡng sân đường, hệ rãnh vườn bảo tồn gen nhãn lồng và khu vệ sinh nhà nuôi cấy mô	495
2.4	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (Loại 100, khoản 103, nguồn 18)	138

